

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 16/01/2024

V/v: TrA chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nam.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1968; trú tại: Số 130 P V T H, thị trấn G B, huyện G B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Ông H Xuân M, sinh năm 1964; trú tại: Thôn K P, xã C Đ, huyện G B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà kết hôn với ông Hoàng Xuân M năm 1987. Trong thời Gñ chung sống với nhau do có nhiều mâu thuẫn nên đã được Toà án đã giải quyết ly hôn năm 2021. Tại thời điểm giải quyết ly hôn bà và ông M có đề nghị Toà án giải quyết về quan hệ hôn nhân và giải quyết một số tài sản chung, công nợ. Tuy nhiên, trước khi ly hôn vào khoảng tháng 3/2020 ông M được chi trả một khoản tiền hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi là 300.000.000 đồng số tiền này khi ly hôn chưa đề nghị Toà án xem xét giải quyết, sau đó trong vụ án trA chấp chia tài sản chung bà có yêu cầu nhưng do muốn tự thoả thuận phân chia nên đã rút lại yêu cầu giải quyết số tiền 300.000.000đ đó. Đến nay số tiền 300.000.000 đồng bà và ông M không thoả thuận được với nhau về việc phân chia, nên bà xác định đây tài sản chung hình tHnh trong thời kỳ hôn nhân chưa được chia, đề nghị toà án buộc ông Hoàng Xuân M phải chia trả bà 150.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày ông M nhận tiền đến nay là từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 10 năm 2022 là 36 tháng, lãi suất 0,7%/tháng bằng 37.800.000 đồng.

Bị đơn ông Hoàng Xuân M trình bày: Ông M thừa nhận có được nhận hỗ trợ 300.000.000 đồng theo chính sách nghỉ hưu trước tuổi như bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên, sau khi nhận hỗ trợ số tiền trên ông đã sử dụng để chi trả các chi phí sinh hoạt của G đình hết, tới thời điểm vợ chồng ly hôn thì số tiền này không còn. Việc chi tiền cụ thể như sau: T qua con gái là Hoàng Thị A trong các năm 2012 ông có vay của em ruột là bà Hoàng Thị H 50.000.000 đồng, năm 2018 vay của bà H 40.000.000 đồng. Sau khi được nhận tiền hỗ trợ ông có đưa lại cho chị A 90.000.000 đồng để trả cho bà Hoàng Thị H.

Ngoài ra, trong thời điểm tháng 3/2020 ông có vay của con gái (chị A) 50.000.000đ để trả nợ Ngân Hng Nông nghiệp, đến tháng 6/2020 ông đã sử dụng số tiền hỗ trợ để trả cho chị A 50.000.000 đồng. Ngoài 50.000.000 đồng trả nợ chị A thì ông còn đưa cho chị A 50.000.000 đồng để chi phí để nuôi em là Hoàng Xuân Khoẻ, sinh năm 2003 (là con chung của ông và bà T) ăn học. A Khoẻ khi đó đang học lớp 11 trường trung học phổ T Hoàng Quốc Việt và ở cùng vợ chồng chị A trên tHnh phố Bắc Ninh.

Cũng trong thời Gñ này ông đã cho chị A 20.000.000 đồng để chi tiền sinh hoạt và ăn học cho các cháu ngoại (cháu Nguyễn Hoàng Tùng, Nguyễn Hoàng Tú Uyên, Nguyễn Hoàng Bách, Nguyễn Hoàng Yên là con của chị Hoàng Thị A và con của chị Hoàng ThA Tuyền), số tiền 20.000.000 đồng ông chuyển khoản cho chị A. Đồng thời từ thời điểm tháng 6/2020 đến tháng 10/2021 ông vẫn phải chuyển cho chị A 4.000.000đ/tháng để cho con trai là Hoàng Xuân Khoẻ ăn học. Năm 2015 ông vay của bà Hoàng Thị Gng (là em gái), sinh năm 1975; trú tại:

Thôn K Phố, xã C Đức, huyện G Bình, tỉnh Bắc Ninh 05 chỉ vàng để trả nợ cho số vàng mà bà T cầm hộ con gái Hoàng ThA Tuyên khi lấy chồng, sau đó đã chi tiêu cho G đình hết, đến tháng 5/2020 ông đã phải trả cho bà ThA khoản nợ này tương đương 22.000.000 đồng.

Số tiền còn lại là 4.000.000 đồng ông sử dụng để chi phí sinh hoạt cá nhân hết. Do vậy, ông xác định là số tiền 300.000.000 đồng hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi đã chi tiêu cho việc chung của G đình trong thời kỳ hôn nhân hết nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Chị Hoàng Thị A trình bày: Năm 2012, ông Hoàng Xuân M có vay của cô ruột chị là bà Hoàng Thị H 50.000.000 đồng, năm 2018 vay của bà Hoàng Thị H 40.000.000 đồng. Đến năm 2020 thì bố chị đưa cho chị 90.000.000 đồng để trả cho bà H. Khi trả cho bà H chị thực hiện bằng hình thức chuyển khoản tại Ngân Hng SeaBank đến số tài khoản của bà H. Trong thời điểm tháng 3/2020 bố chị có vay và sau đó khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2020 thì trả nợ cho chị 50.000.000 đồng. Ngoài trả nợ thì bố chị còn đưa cho chị 50.000.000 đồng và Hng tháng vẫn gửi cho chị 4 triệu đồng để chi phí để nuôi em Hoàng Xuân K, sinh năm 2003 ăn học, em K khi đó đang học lớp 11 trường trung học phổ T Hoàng Quốc Việt và ở cùng vợ chồng chị trên tHnh phố Bắc Ninh.

Bà Hoàng Thị Gtrình bày: Khoảng năm 2015, bà T có gọi điện về bảo với bà là khi ra nhà chị thì mang cho vay 5 chỉ vàng để chị T trả cho cháu Hoàng T T, sáng hôm sau bà có mang 5 chỉ vàng ra cho bà T, khi đó do nghĩ là chị em trong G đình nên tôi không viết giấy vay nợ mà chỉ đưa tay cho bà T 5 chỉ vàng. Bà và bà T thỏa thuận khi nào có thì trả. Đến năm 2020 ông M có đến và bảo trả tiền bà, lúc này ông M trả cho tôi bằng tiền tương đương 5 chỉ vàng là 22.000.000 đồng.

A Hoàng Xuân K trình bày thời điểm năm 2020 A đang học lớp 11 tại trường Hoàng Quốc Việt ở tHnh phố Bắc Ninh và ở cùng nhà với vợ chồng chị Hoàng Thị A, tuy nhiên Hng tháng mẹ A là Trần Thị T vẫn gửi tiền cho A ăn học và cho tiền tiêu vặt là 1.000.000 đồng/tháng, mẹ A gửi tiền sinh hoạt phí hàng tháng của A cho chị A. A xác định không nhận được tiền từ bố A và không có T tin nào về việc bố A gửi tiền cho chị A để chu cấp cho A ăn học.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 20/2023/HNGĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G B đã căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29, 30, 33, 35, 39, 59 Luật hôn nhân và G đình; Điều 9, 13 Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi Hôn nhân luật hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc ông Hoàng Xuân M phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T buộc ông Hoàng Xuân M phải trả số tiền 125.000.000 đồng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đề nghị Toà án buộc ông Hoàng Xuân M phải trả 37.800.000 đồng tiền lãi của khoản tiền 150.000.000 đồng từ tháng 10/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn T về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2023, ông H Xuân M và bà Trần Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; ông M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Xuân M, miễn án phí cho ông M do ông đang thờ cúng liệt sĩ; không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của H Xuân M và bà Trần Thị T nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Trần Thị T:

[2.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T buộc ông Hoàng Xuân M phải chia trả 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì thời điểm đầu năm 2020 ông M được nhận một khoản tiền hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi là 300.000.000 đồng, số tiền này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên việc bà Trần Thị T đề nghị xác định số tiền 300.000.000 đồng ông M được nhận là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ.

Thứ hai, theo bà T trình bày thì sau khi nhận tiền trợ cấp thì ông M là người quản lý và số tiền này chưa được sử dụng vào nhu cầu sinh hoạt của G đình nên đề nghị Toà án giải quyết buộc ông M phải chia trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng.

Trong Gi đoạn chuẩn bị xét xử, Toà án cấp sơ thẩm tiến Hnh xác minh thì thấy: Trong các khoản tiền ông M kê khai dùng để trả nợ, nuôi con ăn học và chi phí sinh hoạt nêu trên là có thực, đây được coi là chi phí sinh hoạt hợp lý nên được công nhận đối trừ. Sau khi đối trừ các khoản chi và số tiền hỗ trợ mà ông M được nhận thì có khoản 50.000.000 đồng ông M cho rằng chi để trả nợ cho Ngân Hng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện G Bình. Số tiền này đã được đối trừ nghĩa vụ trong vụ án trA chấp ly hôn với bà T tại Bản án số: 10/2022/HNGĐ-PT ngày 17/01/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, trong số tiền 300.000.000 đồng hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi mà ông M được nhận đến nay còn 50.000.000 đồng được xác định là tài sản chung của vợ chồng chưa chia nên bản án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà T, buộc ông M phải trả bà T số tiền 25.000.000 đồng là phù hợp. Đối với số tiền 125.000.000 đồng còn lại mà bà T đề nghị ông M chia trả do ông M đã chi tiêu sử dụng cho các công việc G đình trong thời kỳ hôn nhân hết nên nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà T. Do đó, kháng cáo của bà T không được chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu khởi kiện buộc ông Hoàng Xuân M phải trả 37.800.000 đồng tiền lãi của khoản tiền 150.000.000 đồng từ tháng 10/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Đối với yêu cầu khởi kiện này trước khi Toà án mở phiên họp kiểm tra việc Go nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải thì bà T đã tự nguyện rút yêu cầu, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của bà Trần Thị T là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của ông Hoàng Xuân M, Hội đồng xét xử thấy ông H Xuân M có đơn đề nghị được miễn án phí với lý do ông M là người đang trực tiếp

thờ cúng liệt sỹ được Sở lao động - Thương binh xã hội tỉnh Bắc Ninh trợ cấp thờ cúng liệt sỹ. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án thì ông M thuộc diện được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của ông H Xuân M.

[5] Về án phí: Ông M được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 29, 30, 33, 35, 39, 59 Luật hôn nhân và G đình; Điều 9, 13 Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hôn nhân và G đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc ông Hoàng Xuân M phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 25.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T buộc ông Hoàng Xuân M phải trả số tiền 125.000.000 đồng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đề nghị Toà án buộc ông Hoàng Xuân M phải trả 37.800.000 đồng tiền lãi của khoản tiền 150.000.000 đồng từ tháng 10/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

3. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 6.250.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền 8.445.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai 0007180 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện G Bình.

Bà Trần Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm. Xác nhận bà Trần Thị T đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0002661 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện G Bình.

Miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Hoàng Xuân M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện G B;
- Chi cục THADS huyện G B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính